

Bản án số: 290/2025/HS-PT
Ngày 25 tháng 4 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các Thẩm phán:

Ông Trần Ngọc Tuấn.

Ông Lê Hoàng Tấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 1184/2024/TLPT-HS ngày 23 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo Du Ngọc Á do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2024/HS-ST ngày 12/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo: Du Ngọc Á, sinh 1991 tại Cà Mau; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Du Văn T và bà Huỳnh Thị L; chồng là Trương Hoàng T1 (đã ly hôn tháng 3/2021); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt buộc chữa bệnh từ ngày 26/8/2022 đến 12/01/2024; áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ 12/01/2024 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho các bị cáo có: Luật sư Trần Thị T2, Văn phòng Luật sư Trần Văn T3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

Bị hại có kháng cáo: Bà Tạ Thị N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tạ Thị N có: Ông Trần Văn T4, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; có mặt.

(Ngoài ra còn có 17 bị hại và 03 người liên quan không có kháng cáo và không bị kháng nghị)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 3/2019, Du Ngọc Á bắt đầu kinh doanh mỹ phẩm Linh H. Đây là sản phẩm độc quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 (gọi tắt Công ty Đ1); địa chỉ: Tầng F, tòa nhà M T, phường M, quận H, Thành phố Hà Nội. Đến tháng 4/2019, Ảnh tuyển dụng thành viên tham gia bán mỹ phẩm Linh H. Lần đầu tham gia với tư cách Thành viên “Sĩ” phải mua mỹ phẩm Linh H (sữa rửa mặt, kem, sữa dưỡng da, nước vệ sinh phụ khoa, kem chống nám...) đơn hàng trị giá 1.000.000 đồng (1.000.000đ); Thành viên “Chi nhánh” phải mua đơn hàng trị giá 10.000.000đ; Thành viên “Đại lý” phải mua đơn hàng trị giá 60.000.000đ. Để giữ là thành viên, trong vòng 03 tháng kể từ ngày tham gia phải mua đơn hàng trị giá thấp nhất phải tương ứng với vị trí thành viên mình tham gia. Thành viên có quyền phát triển thành viên tuyển dưới để tăng vốn. Ảnh là người nắm giữ vốn góp và giao dịch với những thành viên tham gia trực tiếp với Ảnh. Thành viên “Sĩ”, “Chi nhánh”, “Đại lý” tự theo dõi vốn góp tuyển dưới, nhận lãi từ Ảnh về phân chia lợi nhuận cho thành viên tuyển dưới. Bất kỳ thành viên nào yêu cầu rút vốn Ảnh là người xử lý việc rút vốn. Thành viên “Sĩ”, “Chi nhánh”, “Đại lý” chỉ thực hiện huy động vốn góp, thông tin lại cho thành viên tuyển dưới đơn hàng do Ảnh đặt ra, nhận tiền lãi từ Ảnh về phân chia lại cho thành viên tuyển dưới.

Thành viên tham gia lần đầu mua bộ sản phẩm theo đơn hàng (sĩ, chi nhánh hoặc đại lý) do Ảnh cung cấp giá mua vào, giá bán ra để thành viên đem sản phẩm về tự bán hoặc bán (giao) cho khách hàng do Ảnh cung cấp địa chỉ (khách hàng chỉ giao dịch với Ảnh). Do tự mình không bán được sản phẩm nên lần thứ hai trở đi các thành viên chỉ đưa tiền (góp vốn) cho Ảnh để kinh doanh theo từng đơn hàng (giá mua vào, giá bán ra, tiền lãi) do Ảnh cung cấp. Sau 10 hoặc 15 ngày thì thành viên góp vốn nhận tiền lãi (có thành viên nhận một ít lãi, có thành viên không nhận lãi mà tiếp tục nhập vào vốn), còn tiền vốn thì Ảnh nắm giữ để tiếp tục cho đơn hàng mới. Lãi mà Ảnh cung cấp cho từng đơn hàng là rất cao, có khi lên đến 250%. Song, không có việc mua bán số lượng nhiều và lãi cao như Ảnh thông tin. Số tiền các thành viên góp, một phần Ảnh mua mỹ phẩm để duy trì là người đứng đầu hệ thống tại Cà Mau; một phần trả lãi cho thành viên theo đơn hàng (dùng tiền đơn hàng sau trả lãi đơn hàng trước); một phần tổ chức các sự kiện (vinh danh khách hàng; tặng thưởng bằng nữ trang cho thành viên đạt doanh số bán hàng nhiều nhất; mở lớp dạy quảng cáo, bán hàng online, kỹ năng làm giàu; tổ chức tham quan, đi du lịch...); một phần Ảnh mua nhà, sắm xe sang trọng,... và chi xài cá nhân.

Sản phẩm mua để duy trì hoạt động, Ảnh bán lại giá rẻ cho những người cùng kinh doanh mỹ phẩm Linh H (mua khoản 80.000đ/sản phẩm, bán 50.000 đồng - 60.000đ/sản phẩm, nhưng thông tin với thành viên là mua khoản 120.000đ/sản phẩm, bán ra khoản 245.000đ/sản phẩm). Khi giao hàng cho những người mua sản phẩm, Ảnh sử dụng tên của người khác để không bị Công ty “mẹ” phát hiện Ảnh bán phá giá; đồng thời để các thành viên góp vốn tin tưởng, tiếp tục góp vốn.

Ngày 14/10/2019, Ảnh thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn M2 (gọi tắt Công ty M2); địa chỉ: Số C N, Khóm E, Phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau mua bán mỹ phẩm, ông Du Bảo A (anh ruột của Ảnh) làm Giám đốc, nhưng Ảnh là người quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động Công ty (mua bán, giao nhận tiền - hàng, vốn góp, v.v..). Quá trình kinh doanh mỹ phẩm, Ảnh không mở sổ theo dõi nên không xác định số lượng sản phẩm, loại sản phẩm, tiền hàng, tiền lãi cũng như

tiền góp vốn của từng thành viên, tiền gốc, tiền lãi, v.v.. Ngày 14/12/2020, Công ty M2 giải thể; ngày 22/12/2020, Chi Cục thuế Khu vực I, tỉnh Cà Mau đóng mã số thuế Công ty M2.

Đầu vào sản phẩm của Ảnh: Từ tháng 3/2019 đến tháng 11/2019, Ảnh mua mỹ phẩm Linh H và làm đại lý bán hàng cho ông Nguyễn Thành T5 (Số D đường C, phường X, quận N, Tp .) tổng số tiền 7.060.683.000 đồng; Ảnh đã trả (tiền mặt, chuyển khoản) 6.866.849.000 đồng, còn nợ ông T5 193.834.000 đồng. Từ tháng 12/2019 đến tháng 8/2020, Ảnh mua mỹ phẩm Linh H và làm đại lý bán hàng cho bà Phạm Thị Thu H1 (Công ty TNHH K, địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện S, Tp .) tổng số tiền 17.062.828.000 đồng; đã trả 16.502.828.000 đồng, hiện còn nợ 560.000.000 đồng. Tháng 9/2020, Ảnh mua mỹ phẩm Linh H của bà Trần Thị D (xã H, huyện Đ, Tp .) số tiền 508.2300.000 đồng, đã thanh toán xong. Tổng số tiền Ảnh mua sản phẩm Linh Hương của ông T5, bà H1, bà D là 24.631.741.000 đồng.

Đầu ra sản phẩm của Ảnh: Chủ yếu bán mỹ phẩm Linh Hương cho bà Nguyễn Thị P (xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ) và bà Lê Thị M (xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai); số ít bán cho các thành viên tham gia mua lần đầu để bán lẻ và bán sản phẩm theo đơn hàng do Ảnh đưa ra để gửi bán cho bà P.

Tổng số tiền bán hàng cho bà P là 20.002.213.000 đồng; tổng số tiền bán sản phẩm cho bà M là 1.851.864.000 đồng; Ngoài ra, Ảnh còn bán sản phẩm cho tuyến dưới khoảng 400.000.000 đồng. Tổng số tiền Ảnh bán sản phẩm Linh H cho bà P, bà M và tuyến dưới của Ảnh là 22.254.077.000 đồng.

Với thủ đoạn nêu trên, Ảnh kêu gọi thành viên tham gia góp vốn, kết quả điều tra đã chứng minh bị cáo chiếm đoạt tiền vốn góp của 18 thành viên với số tiền 29.141.910.000đ, cụ thể:

1. Chiếm đoạt của ông Ngô Trường A1 số tiền 409.080.000 đồng: Tháng 8/2019, ông A1 tham gia là thành viên lần lượt trực tiếp của Ngô Tiểu M1 sang Võ Trúc H2 đến Bùi Thị Kha L1 (M1, H2, L1 là thành viên trực tiếp của Ảnh). Quá trình kinh doanh ông A1 không nhớ đã góp vốn bao nhiêu đơn hàng, ông đã nhận tiền lãi khoản 40.000.000 đồng, phần lãi còn lại nhập vốn để Ảnh quản lý tiếp tục cho đơn hàng mới. Khoảng tháng 6/2020, ông A1 yêu cầu rút vốn. Ngày 30/11/2020, ông A1 và Ảnh thống nhất vốn góp của ông A1 là 6.818 sản phẩm (hiệu Lady Care); thỏa thuận: 3.000 sản phẩm, giá 60.000đ/sản phẩm, thành tiền là 180.000.000 đồng, Ảnh thanh toán từ ngày 30/11/2020 đến ngày 30/3/2021. Còn lại 3.818 sản phẩm ký gửi cho Ảnh, phương thức thanh toán sẽ được thỏa thuận sau ngày 30/3/2021.

Ngày 22/3/2024, ông A1 và Ảnh đối chiếu thống nhất 6.818 sản phẩm, giá 60.000đ/sản phẩm thành tiền là 409.080.000 đồng. Do ông A1 nhận tiền lãi 40.000.000 đồng nên khấu trừ và bị cáo Ảnh còn phải trả cho ông A1 số tiền 369.080.000 đồng(bút lục: 654, 679, 239, 854, 883).

2. Chiếm đoạt của ông Bùi Linh D1 số tiền 2.541.840.000 đồng: Tháng 10/2019, Ông D1 tham gia là thành viên trực tiếp của Bùi Thị Kha L1 (L1 là thành viên trực tiếp của Ảnh). Quá trình kinh doanh ông không nhớ đã góp vốn bao nhiêu đơn hàng, ông đã nhận tiền lãi khoản 150.000.000 đồng, phần tiền lãi còn lại nhập vốn để Ảnh quản lý tiếp tục cho đơn hàng mới. Khoảng tháng 6/2020 ông D1 yêu

cầu rút vốn. Ngày 30/11/2020, ông D1 và Ảnh thống nhất phần vốn góp của ông D1 là 42.364 sản phẩm (hiệu Lady Care); thỏa thuận: 23.682 sản phẩm, giá 60.000đ/sản phẩm, thành tiền là 1.420.920.000 đồng, Ảnh thanh toán từ ngày 30/11/2020 đến ngày 30/3/2021. Còn lại 18.682 sản phẩm ký gửi cho Ảnh, phương thức thanh toán sẽ được thỏa thuận sau ngày 30/3/2021. Ngày 22/3/2024, ông D1 và Ảnh đối chiếu thống nhất 42.364 sản phẩm, giá 60.000đ/sản phẩm, thành tiền là 2.541.840.000 đồng. Do ông D1 nhận tiền lãi 150.000.000 đồng nên khấu trừ và bị cáo A còn phải trả cho ông D1 số tiền 2.391.840.000 đồng(bút lục: 680, 654, 235, 855, 898).

3. Chiếm đoạt của bà Tạ Thị N số tiền 3.423.960.000 đồng: Tháng 10/2019, bà N tham gia là thành viên trực tiếp của Ảnh. Quá trình kinh doanh bà không nhớ đã góp vốn bao nhiêu đơn hàng, bà đã nhận tiền lãi khoản 320.000.000đ, phần lãi còn lại nhập vốn để Ảnh quản lý tiếp tục cho đơn hàng mới. Khoảng tháng 7/2020, bà N yêu cầu rút vốn. Ngày 15/9/2020, ông T4 (chồng bà N) và A thống nhất vốn góp của bà N là 57.066 sản phẩm (hiệu Lady Care); thỏa thuận: 22.000 sản phẩm, giá 60.000đ/sản phẩm, thành tiền là 1.320.000.000 đồng, Ảnh thanh toán từ ngày 15/9/2020 đến ngày 15/01/2021. Phương thức thanh toán sẽ thỏa thuận sau ngày 15/01/2021.

Đến ngày 30/01/2021, ông T4 và Ảnh thống nhất 35.066 sản phẩm, giá 60.000đ/sản phẩm, thành tiền là 2.103.960.000 đồng. Ảnh thanh toán cho bà N từ ngày 30/02/2021 đến 30/7/2021. Ngày 27/3/2024, bà N và Ảnh đối chiếu thống nhất vốn góp của bà N là 57.066 sản phẩm. Ảnh xác định vốn gốc 60.000đ/sản phẩm, còn bà N xác định 120.000đ/sản phẩm. Bà N yêu cầu Ảnh phải trả 6.847.920.000 đồng, bị cáo chỉ đồng ý hoàn trả 3.423.960.000 đồng. Như vậy, vốn góp của bà N là 57.066 sản phẩm, với giá 60.000đ/sản phẩm, thành tiền là 3.423.960.000 đồng. Do bà N nhận tiền lãi 320.000.000 đồng nên khấu trừ và bị cáo A còn phải trả cho bà N số tiền 3.103.960.000 đồng(bút lục: 856, 242 - 245, 780).

4. Chiếm đoạt của ông Lý Trường S số tiền 965.430.000 đồng: Tháng 7/2019, ông S tham gia là thành viên trực tiếp của Bùi Thị Kha L1 (L1 là thành viên trực tiếp của Ảnh). Quá trình kinh doanh ông không nhớ đã góp vốn bao nhiêu đơn hàng, ông đã nhận một phần lãi, phần lãi còn lại nhập vốn để Ảnh quản lý tiếp tục cho đơn hàng mới. Khoảng tháng 8/2020, ông S yêu cầu rút vốn. Ngày 15/9/2020 ông S và Ảnh thống nhất vốn góp của ông S là 10.727 sản phẩm (hiệu Lady Care); thỏa thuận: 6.500 sản phẩm, giá 60.000đ/sản phẩm, thành tiền là 718.590.000 đồng, phương thức thanh toán sẽ được thỏa thuận sau ngày 15/01/2021; sau đó Ảnh đã có khắc phục hoàn trả cho ông 39.000.000 đồng.

Ngày 23/3/2024, ông S và Ảnh đối chiếu thống nhất vốn góp của ông S là 10.727 sản phẩm, giá 90.000đ/sản phẩm, thành tiền là 965.430.000 đồng. Do ông S nhận tiền lãi 39.000.000 đồng nên khấu trừ và bị cáo A còn phải trả cho ông S số tiền 926.430.000 đồng(bút lục 857, 969, 246 - 247, 965).

5. Chiếm đoạt của Bùi Thị Kha L1 số tiền 5.000.000.000 đồng: Tháng 7/2019, bà Kha L1 tham gia là thành viên trực tiếp của Trần Huyền T6 (T9 là thành viên trực tiếp của Ảnh). Tháng 9/2019, L1 chuyển sang là thành viên trực tiếp của Ảnh. Khi là thành viên trực tiếp của Ảnh thì có 15 người tham gia là thành viên trực tiếp

của Kha L1 (ông S, ông A1, ông D1, bà D3, bà T8, bà Ý, bà Tổ N2, bà N2, bà D4, ông A, ông L2, bà P, bà P1, ông T7, bà H3). Đến tháng 7/2020, các thành viên yêu cầu rút vốn bà L1 đã chuyển 11 thành viên (S, A1, D1, D3, T8, Ý, Tổ N2, Như, D4, A, L3) cho Ảnh xử lý; còn lại 04 thành viên là P, P1, T7, H3 còn là thành viên trực tiếp của L1.

Ngày 06/10/2020, L1 và Ảnh đối chiếu thống nhất vốn góp của L1 (gồm P, P1, T7, H3) là 181.549 sản phẩm (hiệu Lady Care); thỏa thuận: 81.549 sản phẩm, giá 60.000đ/sản phẩm, thành tiền là 4.892.940.000 đồng, Ảnh thanh toán từ ngày 15/9/2020 đến ngày 15/3/2021. Còn lại 100.000 sản phẩm ký gửi cho Ảnh sẽ được thỏa thuận thanh toán sau. Đến ngày 27/10/2020, bà L1 và Ảnh đối chiếu thống nhất vốn góp của Kha L1 là 117.531 sản phẩm, giá 60.000đ/sản phẩm, thành tiền là 7.051.860.000 đồng; Ảnh sẽ thanh toán từ ngày 15/9/2020 đến ngày 15/9/2021. Nay bà Kha L1 yêu cầu bị cáo Ảnh hoàn trả số tiền 5.000.000.000 đồng (bút lục: 223, 237, 1018, 786 - 789).

6. Chiếm đoạt của bà Võ Linh T8 số tiền 868.770.000 đồng: Tháng 12/2019, bà T8 tham gia là thành viên trực tiếp của Bùi Thị Kha L1 (L1 là thành viên trực tiếp của Ảnh). Quá trình kinh doanh bà không nhớ đã góp vốn bao nhiêu đơn hàng, bà đã nhận tiền lãi khoảng 100.000.000 đồng, phần tiền lãi còn lại nhập vốn để Ảnh quản lý tiếp tục cho đơn hàng mới. Khoảng tháng 6/2020 bà yêu cầu rút vốn. Ngày 15/9/2020, bà T8 và Ảnh thống nhất vốn góp của bà T8 là 9.653 sản phẩm (hiệu Lady Care); thỏa thuận: 7.000 sản phẩm, giá 60.000đ/sản phẩm, thành tiền là 420.000.000 đồng, Ảnh sẽ thanh toán từ ngày 15/9/2020 đến ngày 15/01/2021. Còn lại 2.653 sản phẩm, thành tiền 451.010.000 đồng ký gửi cho Ảnh, phương thức thanh toán sẽ thỏa thuận sau ngày 15/01/2021. Ngày 23/3/2024, bà T8 và Ảnh đối chiếu thống nhất vốn góp của bà T8 là 9.653 sản phẩm, giá 90.000đ/sản phẩm, thành tiền là 868.770.000 đồng. Nay bà T8 yêu cầu Ảnh trả 9.653 sản phẩm, giá 60.000đ/sản phẩm, thành tiền là 579.180.000 đồng (bút lục: 858, 277, 278, 1040).

7. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Như Ý số tiền 1.232.190.000 đồng: Tháng 10/2019, bà Ý tham gia là thành viên trực tiếp của Bùi Thị Kha L1 (L1 là thành viên trực tiếp của Ảnh). Quá trình kinh doanh bà Ý không nhớ đã góp vốn bao nhiêu đơn hàng, bà đã nhận một phần tiền lãi, phần lãi còn lại nhập vốn để Ảnh quản lý tiếp tục cho đơn hàng mới. Đến tháng 6/2020 bà Ý yêu cầu rút vốn. Ngày 30/11/2020, bà Ý và Ảnh đối chiếu thống nhất vốn góp của bà Ý là 13.691 sản phẩm (hiệu Lady Care) thỏa thuận 3.691 sản phẩm, giá 60.000 đồng/sản phẩm thành tiền là 221.460.000 đồng, Ảnh thanh toán từ ngày 30/11/2020 đến ngày 30/3/2021. Còn lại 10.000 sản phẩm, ký gửi cho Ảnh, phương thức thanh toán sẽ thỏa thuận sau ngày 30/3/2021. Ngày 24/3/2024, bà Ý và Ảnh đối chiếu thống nhất vốn góp của bà Ý là 13.691 sản phẩm, giá 90.000đ/sản phẩm, thành tiền là 1.232.190.000 đồng; Nay bà Ý chỉ yêu cầu Ảnh hoàn trả số tiền 1.000.000.000 đồng (bút lục: 859, 250, 1083).

8. Chiếm đoạt của bà Võ Trúc H2 số tiền 2.790.000.000 đồng: Tháng 7/2019, bà H2 tham gia là thành viên trực tiếp của Trần Huyền T9 (T9 là thành viên trực tiếp của Ảnh). Tháng 10/2019, bà H2 chuyển sang là thành viên trực tiếp của Ảnh. Quá trình kinh doanh bà H2 không nhớ đã góp vốn bao nhiêu đơn hàng, bà đã nhận tiền lãi khoảng 120.000.000 đồng, phần lãi còn lại nhập vốn để Ảnh quản lý tiếp

tục cho đơn hàng mới. Khoảng tháng 8/2020 bà H2 yêu cầu rút vốn. Ngày 06/10/2020, bà H2 và Ảnh thống nhất vốn góp của bà H2 là 46.500 sản phẩm (hiệu Lady Care); thỏa thuận: 20.000 sản phẩm, giá 60.000đ/sản phẩm, thành tiền là 1.200.000.000 đồng, Ảnh thanh toán từ ngày 15/9/2020 đến ngày 15/01/2021. Còn lại 26.500 sản phẩm, giá 170.000đ/sản phẩm sẽ được thỏa thuận phương thức thanh toán sau ngày 15/01/2021.

Ngày 15/10/2020, bà H2 và Ảnh lại thỏa thuận: 25.000 sản phẩm, giá 60.000đ/sản phẩm, thành tiền là 1.500.000.000 đồng. Đã thanh toán 98.500.000 đồng còn lại 1.401.500.000 đồng, Ảnh thanh toán từ ngày 15/10/2020 đến ngày 15/3/2021. Còn lại 21.500 sản phẩm, tương đương 3.655.000.000 đồng ký gửi cho Ảnh sẽ được thỏa thuận phương thức thanh toán sau ngày 15/3/2021 theo giá thị trường.

Ngày 04/12/2020, bà H2 và Ảnh lại thỏa thuận: 44.577 sản phẩm, giá 60.000đ/sản phẩm, thành tiền là 2.674.620.000.000 đồng. Đã thanh toán 98.500.000đ còn lại 2.576.120.000 đồng, Ảnh thanh toán cho bà H2 từ ngày 15/01/2021 đến ngày 15/7/2021. Còn lại 1.923 sản phẩm, ký gửi cho Ảnh sẽ được thỏa thuận giá cả. Ngày 27/3/2024, bà H2 và Ảnh đối chiếu thống nhất vốn góp của bà H2 là 46.500 sản phẩm, giá 60.000đ/sản phẩm, thành tiền là 2.790.000.000 đồng. Do bà H2 nhận tiền lãi 120.000.000 đồng và bị cáo nộp tiền khắc phục hậu quả 98.500.000 đồng nên khấu trừ và bị cáo A còn phải trả cho bà H2 số tiền 2.571.500.000 đồng (bút lục: 1113 -1114, 860, 229, 221, 231, 1115, 754 - 755).

9. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Mộng L4 số tiền 2.328.000.000 đồng: Tháng 10/2019, bà L4 tham gia là thành viên trực tiếp của Ảnh. Quá trình kinh doanh bà không nhớ đã góp vốn bao nhiêu đơn hàng, bà đã nhận tiền lãi khoảng 50.000.000 đồng, phần lãi còn lại nhập vốn để Ảnh quản lý tiếp tục cho đơn hàng mới. Đến tháng 8/2020, bà L4 yêu cầu rút vốn. Ngày 03/10/2020, bà L4 và Ảnh thống nhất vốn góp của bà L4 là 38.800 sản phẩm (hiệu Lady Care), giá 60.000đ/sản phẩm, thành tiền là 2.328.000.000 đồng; đã thanh toán 200.000.000 đồng. Còn lại 1.828.000.000 đồng, Ảnh thanh toán cho bà L4 từ ngày 01/10/2020 đến ngày 30/12/2020. Ngày 30/3/2024, bà L4 và Ảnh đối chiếu thống nhất vốn góp của bà L4 là 38.800 sản phẩm, giá 60.000 đồng/sản phẩm, thành tiền là 2.328.000.000 đồng, nay bà L4 chỉ yêu cầu Ảnh trả 500.000.000 đồng (bút lục: 1155 - 1156, 1145 - 1148, 861, 200, 1157).

10. Chiếm đoạt của bà Lê Thanh H4 số tiền 789.450.000 đồng: Tháng 6/2020, bà H4 tham gia là thành viên trực tiếp của Ảnh. Quá trình kinh doanh bà không nhớ đã góp vốn bao nhiêu đơn hàng, bà đã nhận tiền lãi khoản 200.000.000 đồng, phần lãi còn lại nhập vốn để Ảnh quản lý tiếp tục cho đơn hàng mới. Khoảng tháng 10/2020, bà H4 yêu cầu rút vốn. Ngày 30/11/2020, bà H4 và Ảnh thống nhất vốn góp của bà H4 là 1.318.000.000 đồng, Ảnh thanh toán cho bà H4 từ ngày 25/12/2020 đến ngày 25/4/2021; ngày 25/12/2020 Ảnh khắc phục 150.000.000đ. Ngày 23/3/2024, bà H4 và Ảnh đối chiếu thống nhất vốn góp của bà H4 là 789.450.000đ. Do bà H4 nhận tiền lãi 200.000.000 đồng và bị cáo nộp tiền khắc phục hậu quả 150.000.000 đồng nên khấu trừ và bị cáo A còn phải trả cho bà H4 số tiền 439.450.000 đồng(bút lục 862, 1204 - 1205, 747, 749, 1194 - 1197).

11. Chiếm đoạt của bà Trần Thị Kim Đ số tiền 921.270.000 đồng: Tháng 10/2019, bà Đ tham gia là thành viên trực tiếp của Hồ Mỹ L5 (L là thành viên trực tiếp của Ảnh). Tháng 4/2020, bà Đ chuyển sang là thành viên trực tiếp của Ảnh. Quá trình kinh doanh bà không nhớ đã góp vốn bao nhiêu đơn hàng, bà nhận một phần tiền lãi, phần lãi còn lại nhập vào vốn để Ảnh quản lý tiếp tục cho đơn hàng mới. Khoảng tháng 8/2020 bà Đ yêu cầu rút vốn. Ngày 09/10/2020, bà Đ và Ảnh thống nhất vốn góp của bà Đ là 9.142 sản phẩm (hiệu Lady Care), giá 170.000đ/sản phẩm, thành tiền 1.554.110.000đ. Bà Đ đồng ý giảm giá tiền hàng 632.840.000đ nên Ảnh còn phải thanh toán cho bà Đ 921.270.000đ. Ngày 24/3/2024, bà Đ và Ảnh đối chiếu thống nhất vốn góp của bà Đ là 921.270.000đ nhưng sau đó Ảnh đã nộp khắc phục 362.127.000 đồng nên khấu trừ và bị cáo A còn phải trả cho bà Đ số tiền 559.143.000 đồng (bút lục 863, 1239, 241, 754, 1223 - 1226).

12. Chiếm đoạt của bà Trần Thị Lê S1 tiền 928.160.000 đồng: Tháng 6/2020, bà L6 tham gia là thành viên trực tiếp của Nguyễn Như Ý (Ý là thành viên trực tiếp của Ảnh). Quá trình kinh doanh bà không nhớ đã góp vốn bao nhiêu đơn hàng, bà đã nhận tiền lãi khoản 45.000.000đ, phần lãi còn lại nhập vốn để Ảnh quản lý tiếp tục cho đơn hàng mới. Tháng 8/2020, bà L chuyển sang là thành viên trực tiếp của Ảnh, Ảnh có lập biên nhận xác nhận vốn góp 3.443 sản phẩm, giá 164.000đ/sản phẩm, thành tiền là 564.652.000đ. Bà L6 tiếp tục góp vốn 03 lần với số tiền 515.000.000đ; Sau đó Ảnh đã khắc phục 38.000.000đ. Ngày 23/3/2024, bà L6 và Ảnh đối chiếu thống nhất vốn góp của bà L6 là 928.160.000 đồng. Do bà L6 nhận tiền lãi 45.000.000 đồng và bị cáo nộp tiền khắc phục hậu quả 38.000.000 đồng nên khấu trừ và bị cáo A còn phải trả cho bà L6 số tiền 845.160.000 đồng (bút lục: 1278 - 1281, 864, 2896, 1280 - 1281, 751 - 753).

13. Chiếm đoạt của bà Phạm Thị N1 số tiền 2.296.580.000đ: Tháng 5/2019, bà N1 tham gia là thành viên trực tiếp của Ảnh. Quá trình kinh doanh bà không nhớ đã góp vốn bao nhiêu đơn hàng, bà có nhận 50.000.000đ tiền lãi, phần còn lại nhập vốn để Ảnh quản lý tiếp tục cho đơn hàng mới. Đến tháng 8/2020, bà N1 yêu cầu rút vốn. Ngày 15/9/2020, bà N1 và Ảnh thống nhất vốn góp là 30.000 sản phẩm tính giá 60.000đ/sản phẩm, thành tiền là 1.800.000.000đ, đã trả 110.000.000đ còn 1.690.000.000đ, Ảnh thanh toán từ ngày 15/9/2020 đến ngày 15/01/2021. Còn lại 52.943 sản phẩm tương đương 9.310.000.000đ ký gửi cho Ảnh, sẽ thỏa thuận phương thức thanh toán sau ngày 15/01/2021. Ngày 17/12/2020, bà N1 và Ảnh lại thỏa thuận: 52.943 sản phẩm, giá 60.000đ/sản phẩm, thành tiền là 3.176.580.000đ, Ảnh thanh toán cho bà N1 từ ngày 15/01/2021 đến ngày 15/7/2021.

Ngày 27/3/2024, bà N1 và Ảnh đối chiếu thống nhất vốn góp của bà N1 là 82.943 sản phẩm, giá 60.000đ/sản phẩm, thành tiền là 4.976.580.000đ. Tuy nhiên, trong 4.976.580.000đ có số tiền 2.680.000.000đ là tiền lợi nhuận của Hồ Mỹ L5 kinh doanh trực tiếp với Ảnh nhưng đã nghỉ từ tháng 4/2020 chuyển qua nhập vào với vốn kinh doanh của N1. Số tiền 2.680.000.000đ không phải là tiền lợi nhuận do kinh doanh mà tiền phạm tội (huy động vốn). Do đó, số tiền thực của bà N1 là 2.296.580.000đ (4.976.580.000đ - 2.680.000.000đ). Do bà N1 nhận tiền lãi 50.000.000 đồng và bị cáo nộp tiền khắc phục hậu quả 110.000.000 đồng nên khấu trừ và bị cáo A còn phải trả cho bà N1 số tiền 2.136.580.000 đồng (bút lục: 2885, 2891, 871, 2897, 865, 225 - 226, 251 - 252, 1287 - 1290, 1293, 723 - 724).

14. Chiếm đoạt của bà Võ Thị B số tiền 760.000.000 đồng: Tháng 5/2019, bà B tham gia là thành viên trực tiếp của Ảnh. Quá trình kinh doanh bà không nhớ đã góp vốn bao nhiêu đơn hàng, bà đã nhận tiền lãi khoảng 60.000.000đ, phần lãi còn lại nhập vốn để Ảnh quản lý tiếp tục cho đơn hàng mới. Đến tháng 9/2020, bà B yêu cầu rút vốn. Ngày 30/9/2020, bà B và Ảnh thống nhất vốn góp: 10.941 sản phẩm, giá 170.000đ/sản phẩm, thành tiền là 1.859.970.000đ, sau đó Ảnh có khắc phục 60.000.000đ tương đương 1.000 sản phẩm. Còn lại 9.941 sản phẩm, ngày 19/11/2020 bà B và Ảnh thống nhất thành tiền là 596.460.000đ (9.941 sản phẩm x 60.000đ/sản phẩm) Ảnh sẽ thanh toán cho bà B từ ngày 10/12/2020 đến ngày 30/3/2021. Ngày 08/4/2024, bà B và Ảnh thống nhất vốn của bà B giá gốc của 10.941 sản phẩm là 760.000.000 đồng. Do bà B nhận tiền lãi 60.000.000 đồng và bị cáo nộp tiền khắc phục hậu quả 240.000.000 đồng nên khấu trừ và bị cáo A còn phải trả cho bà B số tiền 460.000.000 đồng (bút lục: 866, 196 - 197, 2890, 715 - 718).

15. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị L7 và bà Ong Thị Mỹ D2 số tiền 2.651.620.000 đồng: Tháng 6/2020, bà L7 và bà D2 cùng góp vốn tham gia là thành viên trực tiếp của Ảnh. Quá trình tham gia kinh doanh bà L7 và bà D2 không nhớ đã góp vốn cho bao nhiêu đơn hàng, tiền lãi có được nhập vốn để Ảnh quản lý tiếp tục cho đơn hàng mới. Khoảng tháng 8/2020, bà L7 yêu cầu rút vốn. Ngày 15/12/2020, bà L7 và bà D2 cùng Ảnh thống nhất: Tổng vốn góp 33.000 sản phẩm, thành tiền là 2.954.000.000đ. Bà L7 và bà D2 đã nhận 6.000 sản phẩm, còn lại 27.000 sản phẩm, thành tiền là 1.720.000.000đ.

Ngày 30/3 và ngày 02/4/2024, bà L7 và D2 cùng Ảnh đã thống nhất vốn góp của bà L7 và bà D2 là 2.651.620.000đ, Ảnh đã khắc phục cho bà L7 896.000.000 đồng được khấu trừ và bị cáo A còn phải trả bà L7 và bà D2 số tiền 1.755.620.000 đồng (bút lục: 867, 198, 1349 - 1350, 1357, 198, 742).

16. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Kiều D3 số tiền 701.820.000 đồng: Tháng 7/2019, bà D3 tham gia là thành viên trực tiếp của Bùi Thị Kha L1 (L1 là thành viên trực tiếp của Ảnh). Quá trình kinh doanh bà không nhớ đã góp bao nhiêu đơn hàng, bà đã nhận tiền lãi một phần, phần lãi còn lại nhập vốn để Ảnh quản lý tiếp tục cho đơn hàng mới. Khoảng tháng 8/2020, bà yêu cầu rút vốn. Ngày 30/9/2020, bà D3 và Ảnh thống nhất phần vốn góp của bà D3 là 7.798 sản phẩm (hiệu Lady Care); thỏa thuận: 3.000 sản phẩm, giá 60.000đ/sản phẩm, thành tiền là 180.000.000đ, Ảnh thanh toán từ ngày 15/9/2020 đến ngày 15/01/2021. Còn lại 4.798 sản phẩm ký gửi cho Ảnh, thành tiền là 815.660.000đ, phương thức thanh toán sẽ thỏa thuận sau ngày 15/01/2021.

Ngày 27/3/2024, bà D3 và Ảnh thống nhất 7.798 sản phẩm, giá 90.000đ/sản phẩm, thành tiền là 701.820.000 đồng. Bị cáo Ảnh đã nộp khắc phục được 18.000.000 đồng nên bị cáo A còn phải trả cho bà D3 số tiền 683.820.000 đồng (bút lục 868, 767, 248 - 249, 1372).

17. Chiếm đoạt của bà Châu Tố N2 số tiền 220.000.000đ: Tháng 12/2019, bà Tố N2 tham gia là thành viên trực tiếp của Võ Linh T8 sang Bùi Thị Kha L1 (T8, L1 là thành viên trực tiếp của Ảnh). Quá trình kinh doanh bà đã nhận tiền lãi nhưng không nhớ, phần vốn để Ảnh quản lý tiếp tục cho đơn hàng mới. Khoảng tháng 8/2020, bà Tố N2 yêu cầu rút vốn. Ngày 01/01/2021 và ngày 23/3/2024, bà Tố N2

và Ảnh thống nhất Bị cáo Á đồng ý trả lại cho bà Tổ N2 số vốn đã góp là 220.000.000 đồng. (bút lục 869, 768, 1405 - 1407).

18. Chiếm đoạt của bà Trần Thị Huỳnh N3 số tiền 313.740.000đ: Tháng 3/2020, bà Huỳnh N3 tham gia là thành viên trực tiếp của Võ Linh T8 sang Bùi Thị Kha L1 (T8, L1 là thành viên trực tiếp của Ảnh). Quá trình kinh doanh bà không nhớ đã góp bao nhiêu đơn hàng, bà đã nhận tiền lãi nhưng không nhớ, phần vốn để Ảnh quản lý tiếp tục cho đơn hàng mới. Khoảng tháng 6/2020, bà Huỳnh N3 yêu cầu rút vốn. Ngày 15/01/2020, Ảnh có lập biên nhận xác định vốn góp của bà là 3.486 sản phẩm, giá 170.000đ/sản phẩm. Ngày 24/3/2024, bà N3 và Ảnh thống nhất 3.486 sản phẩm, giá 90.000đ/sản phẩm, thành tiền 313.740.000đ. Bị cáo Á đồng ý trả lại cho bà Huỳnh N3 số vốn đã góp là 220.000.000 đồng (bút lục: 840, 1408 - 1410).

Tại Cáo trạng số 73/CT-VKS-P1 ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đã truy tố bị cáo Du Ngọc Á về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2024/HS-ST ngày 12/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Du Ngọc Á phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tuyên phạt: Bị cáo Du Ngọc Á 19 (mười chín) năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Du Ngọc Á có nghĩa vụ trả cho bị hại bà Tạ Thị N số tiền 3.103.960.000 đồng (ba tỷ một trăm lẻ ba triệu chín trăm sáu chục ngàn đồng)

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự buộc bà Hồ Mỹ L5 có nghĩa vụ nộp lại 270.000.000 đồng để thi hành phần trách nhiệm dân sự của bị cáo Du Ngọc Á; buộc bị cáo Du Ngọc Á có nghĩa vụ trả cho các bị hại gồm: Ông Ngô Trường A1 số tiền 369.080.000 đồng; ông Bùi Linh D1 số tiền 2.391.840.000 đồng; ông Lý Trường S số tiền 926.430.000 đồng; bà Bùi Thị Kha L1 số tiền 5.000.000.000 đồng; bà Võ Linh T8 số tiền 579.180.000 đồng; bà Nguyễn Như Ý số tiền 1.000.000.000 đồng; bà Võ Trúc H2 số tiền 2.571.500.000 đồng; bà Nguyễn Thị Mộng L4 số tiền 500.000.000 đồng; bà Lê Thanh H4 số tiền 439.450.000 đồng; bà Trần Thị Kim Đ số tiền 559.143.000 đồng; bà Trần Thị Lê S1 tiền 845.160.000 đồng; bà Phạm Thị N1 số tiền 2.136.580.000 đồng; bà Võ Thị B số tiền 460.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị L7 và bà Ong Thị Mỹ D2 số tiền 1.755.620.000 đồng; bà Nguyễn Kiều D3 số tiền 683.820.000 đồng; bà Châu Tổ N2 số tiền 220.000.000 đồng; bà Trần Thị Huỳnh N3 số tiền 313.740.000 đồng; về lãi suất chậm thi hành án; án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 25/11/2024, bị cáo Du Ngọc Á kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu đổi trừ các khoản tiền với các bị hại Bùi Thị Kha L1, Nguyễn Như Ý, Trần Thị Kim Đ, Phạm Thị N1, Võ Thị B, Nguyễn Kiều D3, Châu Tố N2, Trần Thị Huỳnh N3. Ngoài ra, trong vụ án có nhiều người tham gia đã nhận số tiền vốn và lợi nhuận đã rút ra như L, Trần Thị D4, Phan Thúy P1, bà Ú không được đưa tham gia tố tụng và buộc những người liên quan nộp lại số tiền đã nhận của bị cáo để bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại vì số tiền này là khoản tiền của các bị hại đưa cho bị cáo.

- Ngày 20/11/2024, bị hại Tạ Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Á và yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà Tạ Thị N kháng cáo yêu cầu bị cáo Á phải trả số tiền của 57.066 sản phẩm với giá 120.000đ/sản phẩm, bằng tổng số tiền là 6.847.920.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bị cáo Du Ngọc Á giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu xem xét lại khoản tiền mà bị cáo đã trả cho các bị hại trên 08 tỷ đồng chưa được khấu trừ; đề nghị đưa những người liên quan tham gia tố tụng gồm L, Trần Thị D4, Phan Thúy P1, bà Ú để buộc họ nộp lại số tiền đã nhận của bị cáo nhằm khắc phục hậu quả cho các bị hại vì số tiền này là khoản tiền của các bị hại đưa cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn có con còn nhỏ nên xin giảm hình phạt cho bị cáo.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị hại bà Tạ Thị N giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Á và yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà N 57.066 sản phẩm, giá 120.000đ/sản phẩm, thành tiền là 6.847.920.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến về việc người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo của bị cáo, bị hại làm trong hạn luật định, hợp lệ đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Xét nội dung kháng cáo của bị cáo và bị hại:

Đối với kháng cáo của bị cáo yêu cầu đổi trừ phần tiền lãi mà các bị hại đã nhận của bị cáo. Tuy nhiên trong quá trình điều tra bị cáo và các bị hại đã đối chiếu thống nhất số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của các bị hại Bùi Kha L1, Nguyễn Như Ý, Trần Kim Đ, Phạm Thị N4, Nguyễn Kiều D3, Châu Tố N2, Trần Quỳnh N5. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo về phần trách nhiệm dân sự đối với số tiền phải bồi thường cho các bị hại; đối với kháng cáo của bị cáo cho rằng có nhiều người liên quan đã nhận số tiền từ lợi nhuận của bị cáo đã giao nên yêu cầu đưa họ tham gia tố tụng để buộc họ hoàn trả lại số tiền đã nhận để bồi thường cho các bị hại. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo không xác định được số tiền đã đưa cho người liên quan như Du Thị Ú1, Bùi Thị Kha L1, Trần Thị Diệu . Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ để xác định số tiền mà những người liên quan đã nhận của bị cáo nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị hại Tạ Thị N đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, thấy rằng quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 19 năm tù là phù hợp tương xứng

với hành vi phạm tội của bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Về phần trách nhiệm dân sự trong quá trình điều tra đã có biên bản đối chất để xác định tổng số thiệt hại của bị hại N là 57.066 sản phẩm, với giá 60.000 đồng/sản phẩm thành tiền là 3.423.960.000 đồng. Bị cáo đã trả cho bà N số tiền 320.000.000 đồng. Vì vậy, bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải trả tiếp cho bị hại số tiền 3.123.960.000 đồng là có căn cứ. Do đó đề nghị bác kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt và phần trách nhiệm dân sự.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Thống nhất với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc bác kháng cáo của bà N đòi bị cáo Ảnh trả cho bà N số tiền của 57.066 sản phẩm, giá 120.000đ/sản phẩm, thành tiền là 6.847.920.000đ bởi vì đơn giá đã được đối chất và thống nhất tại biên bản ngày 15/9/2020 và biên bản ngày 30/01/2021. Đề nghị xem xét lại các khoản tiền do bị cáo đã chuyển trả cho các bị hại nên cần xem xét lại phần trách nhiệm dân sự. Ngoài ra, xét thấy bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hiện nay bị cáo phải nuôi con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Du Ngọc A và bị hại Tạ Thị N làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Du Ngọc A tại phiên tòa phù hợp với biên bản thu giữ vật chứng, lời khai của những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định:

Từ tháng 3 năm 2019 đến tháng 9 năm 2020, Du Ngọc A kinh doanh mỹ phẩm Linh H tại Cà Mau. Để duy trì hoạt động kinh doanh với tư cách là người đứng đầu hệ thống thì Ảnh phải mua sản phẩm Linh H ở cấp độ cao. Mua sản phẩm ở cấp độ cao thì giá sản phẩm thấp hơn và được thưởng theo chính sách nên Ảnh huy động vốn bằng việc đưa ra những đơn hàng có lợi nhuận cao để kêu gọi các thành viên góp vốn. Nhưng thực tế không có việc mua bán hàng mỹ phẩm nhiều và lợi nhuận như đơn hàng mà Ảnh thông tin. Việc kinh doanh do Ảnh thực hiện, các bị hại chỉ góp tiền và chờ nhận lợi nhuận. Số tiền góp vốn của các thành viên giao cho bị cáo mua sản phẩm bị cáo sử dụng một phần bị cáo mua mỹ phẩm để duy trì là người đứng đầu hệ thống; một phần trả lãi cho thành viên theo đơn hàng; một phần tổ chức các sự kiện, số tiền còn lại bị cáo dùng để tiêu xài cá nhân.

Kết quả điều tra đã chứng minh, tổng sản phẩm bị cáo mua vào là 24.631.741.000đ, bán ra 22.254.077.000đ. Đồng thời bị cáo Ảnh đã đưa ra thông tin gian dối về việc kinh doanh có lợi nhuận cao nên có nhiều người tin tưởng đưa tiền cho Ảnh để tham gia kinh doanh, và bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền là 29.141.910.000 đồng, cụ thể: Ông Ngô Trường A1 góp vốn mua 6.818 sản phẩm, thành tiền là 409.080.000 đồng; ông Bùi Linh D1 góp vốn mua 42.364 sản phẩm, thành tiền là 2.541.840.000 đồng; bà Tạ Thị N góp vốn mua 57.066 sản

phẩm, thành tiền là 3.423.960.000 đồng; ông Lý Trường S góp vốn mua 10.727 sản phẩm, thành tiền là 965.430.000 đồng; bà Bùi Thị Kha L1 góp vốn với số tiền 5.000.000.000 đồng; bà Võ Linh T8 góp vốn mua 9.653 sản phẩm, thành tiền là 868.770.000 đồng; bà Nguyễn Như Ý góp vốn mua 13.691 sản phẩm, thành tiền là 1.232.190.000 đồng; bà Võ Trúc H2 góp vốn mua 46.500 sản phẩm, thành tiền là 2.790.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Mộng L4 góp vốn mua 38.800 sản phẩm, thành tiền là 2.328.000.000 đồng; bà Lê Thanh H4 góp vốn với số tiền 789.450.000 đồng; bà Trần Thị Kim Đ góp vốn mua 9.142 sản phẩm thành tiền là 921.270.000 đồng; bà Trần Thị Lê G góp vốn với số tiền 928.160.000 đồng; bà Phạm Thị N1 góp vốn với số tiền 2.296.580.000 đồng; bà Võ Thị Bích G1 góp vốn mua 10.941 sản phẩm, thành tiền là 760.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị L7 và bà Ong Thị Mỹ D2 góp vốn với số tiền 2.651.620.000đ; bà Nguyễn Kiều D3 góp vốn mua 7.798 sản phẩm, thành tiền là 701.820.000 đồng; bà Châu Tổ N2 góp vốn với số tiền 220.000.000 đồng; bà Trần Thị Huỳnh N3 góp vốn mua 3.486 sản phẩm, thành tiền 313.740.000 đồng.

Do đó, Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Du Ngọc Á phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Du Ngọc Á là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, tác động xấu đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên cần phải xử phạt nghiêm đối với bị cáo mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của các bị hại với số tiền lớn hơn gấp nhiều lần so với mức định lượng khởi điểm của khung hình phạt. Khi quyết định hình phạt Bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Ảnh không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới theo quy định của pháp luật và cũng không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và cũng không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bị hại Tạ Thị N đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Xét ý kiến của Luật sư đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là chưa có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

[4.1] Quá trình điều tra và tại biên bản đối chất ngày 15/9/2020 và ngày 30/01/2021 ông T4 là người đại diện theo ủy quyền của bà N đối chất với bị cáo Á và thống nhất giá 60.000đ/sản phẩm, quá trình điều tra các bị hại khác trong vụ án cũng xác định giá 60.000đ/sản phẩm; kết quả xác minh nơi bị cáo mua sản phẩm cũng có giá 60.000đ/sản phẩm. Do đó, Bản án sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bà N 57.066 sản phẩm, giá 60.000đ/sản phẩm, thành tiền là 3.423.960.000 đồng là

có căn cứ. Do bị cáo đã trả được số tiền 320.000.000 đồng nên bị cáo còn phải trả cho bà N 3.103.960.000 đồng là phù hợp.

Do đó, xét kháng cáo của bà N yêu cầu bị cáo A phải trả số tiền của 57.066 sản phẩm với giá 120.000đ/sản phẩm, thành tiền là 6.847.920.000 đồng là chưa có căn cứ để chấp nhận.

[4.2] Bị cáo Du Ngọc A kháng cáo yêu cầu làm rõ số tiền do các bị hại đã nhận của bị cáo để được khấu trừ và buộc người liên quan có trách nhiệm nộp lại phần tiền đã nhận để trả lại cho bị hại. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo không chứng minh được phần tiền do bị cáo đã trả cho các bị hại và những người liên quan. Các bị hại và những người liên quan cũng không thừa nhận đã nhận tiền của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ảnh cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Nên không đủ căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo yêu cầu xác định lại các khoản tiền lãi mà bị cáo đã trả cho các bị hại và buộc người có liên quan hoàn trả lại số tiền đã nhận của bị cáo.

[5] Từ những nhận định, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Du Ngọc A và không chấp nhận kháng cáo của bà Tạ Thị N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo và phân trách nhiệm dân sự đối với bị hại Tạ Thị N là có căn cứ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo của bị cáo Du Ngọc A, bị hại Tạ Thị N, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên.

[6] Về án phí phúc thẩm:

- Bị cáo Du Ngọc A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Tạ Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự buộc bà Hồ Mỹ L5 có nghĩa vụ nộp lại 270.000.000 đồng để thi hành phần dân sự của bị cáo Du Ngọc A; buộc bị cáo Du Ngọc A có nghĩa vụ trả cho các bị hại gồm: Ông Ngô Trường A1 số tiền 369.080.000 đồng; ông Bùi Linh D1 số tiền 2.391.840.000 đồng; ông Lý Trường S số tiền 926.430.000 đồng; bà Bùi Thị Kha L1 số tiền 5.000.000.000 đồng; bà Võ Linh T8 số tiền 579.180.000 đồng; bà Nguyễn Như Ý số tiền 1.000.000.000 đồng; bà Võ Trúc H2 số tiền 2.571.500.000 đồng; bà Nguyễn Thị Mộng L4 số tiền 500.000.000 đồng; bà Lê Thanh H4 số tiền 439.450.000 đồng; bà Trần Thị Kim Đ số tiền 559.143.000 đồng; bà Trần Thị Lê S1 số tiền 845.160.000 đồng; bà Phạm Thị N1 số tiền 2.136.580.000 đồng; bà Võ Thị B số tiền 460.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị L7 và bà Ong Thị Mỹ D2 số tiền 1.755.620.000 đồng; bà Nguyễn Kiều D3 số tiền 683.820.000 đồng; bà Châu Tố N2 số tiền 220.000.000 đồng; bà Trần Thị Huỳnh N3 số tiền 313.740.000 đồng; về

lỗi suất chậm thi hành án; án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Du Ngọc Á.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Tạ Thị N.

2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 92/2024/HS-ST ngày 12/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Du Ngọc Á phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Tuyên phạt: Bị cáo Du Ngọc Á 19 (mười chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

2.2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Du Ngọc Á có nghĩa vụ trả cho bị hại bà Tạ Thị N số tiền 3.103.960.000 đồng (ba tỷ một trăm lẻ ba triệu chín trăm sáu chục ngàn đồng).

3. Về án phí phúc thẩm:

- Bị cáo Du Ngọc Á phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Bà Tạ Thị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000099 ngày 19/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau. Bà N đã nộp đủ.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về về trách nhiệm dân sự buộc bà Hồ Mỹ L5 có nghĩa vụ nộp lại 270.000.000 đồng để thi hành phần dân sự của bị cáo Du Ngọc Á; buộc bị cáo Du Ngọc Á có nghĩa vụ trả cho các bị hại gồm: Ông Ngô Trường A1 số tiền 369.080.000 đồng; ông Bùi Linh D1 số tiền 2.391.840.000 đồng; ông Lý Trường S số tiền 926.430.000 đồng; bà Bùi Thị Kha L1 số tiền 5.000.000.000 đồng; bà Võ Linh T8 số tiền 579.180.000 đồng; bà Nguyễn Như Ý số tiền 1.000.000.000 đồng; bà Võ Trúc H2 số tiền 2.571.500.000 đồng; bà Nguyễn Thị Mộng L4 số tiền 500.000.000 đồng; bà Lê Thanh H4 số tiền 439.450.000 đồng; bà Trần Thị Kim Đ số tiền 559.143.000 đồng; bà Trần Thị Lê

S1 tiền 845.160.000 đồng; bà Phạm Thị N1 số tiền 2.136.580.000 đồng; bà Võ Thị B số tiền 460.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị L7 và bà Ong Thị Mỹ D2 số tiền 1.755.620.000 đồng; bà Nguyễn Kiều D3 số tiền 683.820.000 đồng; bà Châu Tố N2 số tiền 220.000.000 đồng; bà Trần Thị Huỳnh N3 số tiền 313.740.000 đồng; về lãi suất chậm thi hành án; án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**